

Số: 1833/2024/QĐST-HNGĐ *Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 5 năm 2024*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/4/2019;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 681/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/03/2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1997

Căn cước công dân số: 079197029536 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021.

HKTT: Số E Đường số A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Hẻm E đường L, khu phố M, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Lê Văn N, sinh năm 1996

Căn cước công dân số: 089096008335 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/12/2022.

HKTT: Tổ I, đường Đ, ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Thửa đất 549, tờ bản đồ số 72 (A), Đường số C, Tổ F, Khu phố F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 07 tháng 5 năm 2024, bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Văn N thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Lê Văn N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Không có.
- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T và ông N phải nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1997 và ông Lê Văn N, sinh năm 1996 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

1.4. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T và ông N phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T và ông N đã nộp theo biên lai thu số 0025885 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh